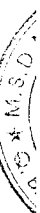


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3/2013
(CHƯA ĐƯỢC KIỂM TOÁN)**

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

Ngày 30 tháng 09 năm 2013



Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301472704, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 08 năm 2005, và đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 05 tháng 06 năm 2013.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư, tư vấn đầu tư, dịch vụ vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh và văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Chủ tịch	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Chủ tịch	Được bầu ngày 14 tháng 04 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Michael Louis Rosen	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Trần Đình Long	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Trà My	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Hà Thị Thanh Vân	Thành viên	Được bầu lại ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên	Được bầu lại ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Vũ Thùy Hương	Thành viên	Được bầu ngày 14 tháng 04 năm 2013 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Nguyễn Xuân Thủy	Thành viên	Được bầu ngày 12 tháng 04 năm 2008 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Nguyễn Thái Hạnh Linh	Thành viên	Được bầu ngày 26 tháng 04 năm 2013
Ông Bùi Văn Trường	Trưởng ban	Được bầu ngày 09 tháng 04 năm 2011 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Tạ Thị Ngụ Linh	Thành viên	Được bầu ngày 09 tháng 04 năm 2011 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013
Bà Bùi Thanh Vân	Thành viên	Được bầu ngày 14 tháng 04 năm 2012 Miễn nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2013

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày được bầu/bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Michael Louis Rosen	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Khải	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2013
	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2013
Bà Hà Thị Thanh Vân	Phó Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 06 tháng 05 năm 2013

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Hưng – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Ông Nguyễn Văn Khải – Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền ký các báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN)
 ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		98.194.689.722	106.741.997.155
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	3.482.070.759	3.491.751.947
111	1. Tiền		3.482.070.759	1.865.751.947
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.626.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	36.218.399.200	37.691.961.743
121	1. Đầu tư ngắn hạn		47.502.599.034	50.116.318.147
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(11.284.199.834)	(12.424.356.404)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		55.756.954.005	63.018.547.268
131	1. Phải thu khách hàng	6.1	4.824.605.652	6.554.214.735
132	2. Trả trước cho người bán	6.2	50.212.348.353	50.244.332.533
133	3. Phải thu nội bộ		-	-
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	7	720.000.000	6.220.000.000
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	-	-
140	IV. Hàng tồn kho	8	-	3.600.000
141	1. Hàng tồn kho		-	3.600.000
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.737.265.758	2.536.136.197
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	130.699.140	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		247.968.763	86.195.631
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	995.015.078	995.015.078
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	11	1.363.582.777	1.454.925.488

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)

ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		406.995.047.330	159.757.612.876
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc (đối với Doanh nghiệp Nhà nước)		-	-
213	3. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
218	4. Phải thu dài hạn khác		-	-
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
220	II. Tài sản cố định		9.139.293.981	10.090.324.347
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	9.139.293.981	10.090.324.347
222	Nguyên giá		15.697.031.575	15.754.027.939
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(6.557.737.594)	(5.663.703.592)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
225	Nguyên giá		-	-
226	Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		-	-
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
241	1. Nguyên giá		-	-
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	395.991.330.992	148.167.829.116
252	1. Đầu tư vào công ty con		305.007.187.426	52.074.040.000
	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		87.209.626.768	79.709.626.768
258	3. Đầu tư dài hạn khác		4.698.000.000	17.198.000.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(923.483.202)	(813.837.652)
260	V. Tài sản dài hạn khác	14	1.864.422.357	1.499.459.413
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		59.807.031	-
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.606.823.926	1.378.459.413
268	3. Tài sản dài hạn khác		197.791.400	121.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		505.189.737.052	266.499.610.031

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)

ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		29.688.864.849	13.220.812.379
310	I. Nợ ngắn hạn		28.568.351.349	12.904.111.379
311	1. Vay và nợ ngắn hạn		-	-
312	2. Phải trả người bán	15.1	6.167.483.497	9.354.843.794
313	3. Người mua trả tiền trước		-	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	180.706.217	80.474.423
315	5. Phải trả người lao động		692.934.077	573.703.149
316	6. Chi phí phải trả	17	123.750.000	44.500.000
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18	17.730.446.986	667.366.953
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		3.673.030.572	2.183.223.060
330	II. Nợ dài hạn	19	1.120.513.500	316.701.000
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		316.701.000	316.701.000
334	4. Vay và nợ dài hạn		-	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		803.812.500	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		475.500.872.203	253.278.797.652
410	I. Vốn chủ sở hữu		475.500.872.203	253.278.797.652
411	1. Vốn cổ phần	20.1	200.500.000.000	115.500.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	20.1	226.238.904.236	108.518.904.236
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu khác		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	5.756.899.134	5.756.899.134
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	20.1	5.756.899.134	5.756.899.134
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận chưa phân phối	20.1	37.248.169.699	17.746.095.148
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
422	12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		-	-

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)

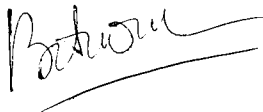
ngày 30 tháng 09 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

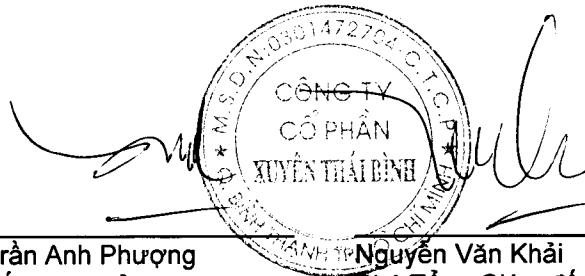
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
432	1. Nguồn kinh phí		-	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		505.189.737.052	266.499.610.031

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	30 tháng 09 năm 2013	31 tháng 12 năm 2012
1. Tài sản thuê ngoài (đồng Việt Nam)		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công (đồng Việt Nam)		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược (đồng Việt Nam)		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)		90.730.000	90.730.000
5. Ngoại tệ các loại - Đô la Mỹ (US\$) - Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án (áp dụng cho doanh nghiệp Nhà nước) (đồng Việt Nam)		-	-



Bùi Xuân Tường
Người lập bảng



Trần Anh Phương
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Khải
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2013

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN)
 cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
 (từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Đơn vị tính: đồng

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ báo cáo		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	
			Quý 3/2013	Quý 3/2012	Năm 2013	Năm 2012
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.1	8.997.356.212	10.289.708.345	30.288.569.466	29.396.323.970
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	-	-	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.997.356.212	10.289.708.345	30.288.569.466	29.396.323.970
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	22	8.445.350.258	9.659.152.626	28.629.389.952	27.616.162.192
20	5. Lợi nhuận/(lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		552.005.954	630.555.719	1.659.179.514	1.780.161.778
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	22.988.210.084	3.980.198.694	32.642.300.989	29.318.999.791
22	7. Chi phí tài chính	23	2.684.922.224	2.563.812.955	2.847.074.286	7.179.221.302
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	389.197	-	109.275.551
24	8. Chi phí bán hàng		-	-	-	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	2.400.365.752	1.737.598.039	8.775.806.389	5.939.851.820
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		18.454.928.062	309.343.419	22.678.599.828	17.980.088.447
31	11. Thu nhập khác	25	576.000	-	576.501	-
32	12. Chi phí khác	25	-	-	593.849.897	-
40	13. Lợi nhuận/(lỗ) khác		576.000	-	(593.273.396)	-
50	15. Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		18.455.504.062	309.343.419	22.085.326.432	17.980.088.447
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(347.782.579)	(145.489.146)	241.478.843	1.530.420.518
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.2	-	-	(228.364.513)	-
60	18. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN		18.803.286.641	454.832.565	22.072.212.102	16.449.667.929
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	-	-	-	-

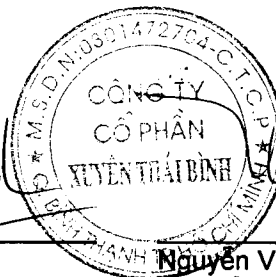
Bùi Xuân Tường

Bùi Xuân Tường
 Người lập bảng

Ngày 30 tháng 10 năm 2013

Trần Anh Phương

Trần Anh Phương
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khải
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
 cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
 (từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Đơn vị tính: đồng

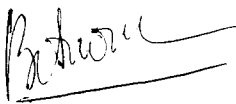
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận/(lỗ) trước thuế		22.085.326.432	17.980.088.447
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	12	937.911.618	1.003.271.472
03	Các khoản dự phòng	6; 8; 13	(1.030.511.020)	1.609.176.802
04	(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	21.2; 23	-	-
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	21.2	(26.851.771.420)	(23.362.507.636)
6	Chi phí lãi vay	23	14.561.556	109.275.551
08	Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(4.844.482.834)	(2.660.695.364)
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		6.886.006.929	(615.938.028)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		3.600.000	(3.600.000)
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		14.736.766.115	4.458.389.295
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(190.506.171)	(450.000.000)
13	Tiền lãi vay đã trả		(14.561.556)	(109.275.551)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(241.478.843)	(30.861.864)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.507.293.596	194.370.251
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.969.614.111)	(2.131.224.714)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		15.873.023.125	(1.348.835.975)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác	12	-	(19.081.818)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
	Tiền chi để mua các công ty con, trừ đi tiền thu về		(247.933.147.426)	(79.709.626.768)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2.613.719.113	42.838.288.306
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		26.716.724.000	23.362.507.636
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư		(218.602.704.313)	(13.527.912.644)

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Đơn vị tính: đồng

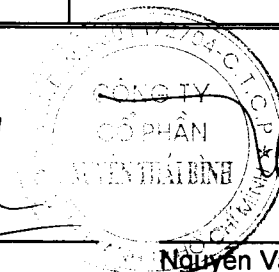
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013	Cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2012
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	20	202.720.000.000	17.174.104.956
32	Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số			
33	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	20	-	-
34	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		37.444.000.000	-
35	Tiền chi trả nợ gốc vay		(37.444.000.000)	-
36	Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
40	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ, Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông thiểu số	20.3	-	(10.548.060.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		202.720.000.000	6.626.044.956
60	Tăng/(giảm) tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		(9.681.188)	(8.250.703.663)
61	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	4	3.491.751.947	29.924.225.753
70	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	3.482.070.759	21.673.522.090

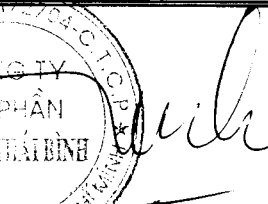


Bùi Xuân Tường
Người lập bảng



Trần Anh Phương
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Khải
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 10 năm 2013

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301472704, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 31 tháng 08 năm 2005, và đăng ký thay đổi lần thứ 8 vào ngày 05 tháng 06 năm 2013.

Hoạt động chính của Công ty là đầu tư, tư vấn đầu tư và dịch vụ vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính tại 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và các chi nhánh, văn phòng đại diện tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2013 là: 12 người (ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 9 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có 4 công ty con và 2 công ty liên kết theo các nhóm ngành hoạt động như sau:

Nhóm các công ty con và công ty liên kết hoạt động trong ngành thủy sản:

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre (mã chứng khoán "ABT" tại HSX)

Công ty con này là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 3423/QĐ-UBND ngày 01/12/2003 của UBND tỉnh Bến Tre và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1300376365 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 26 tháng 12 năm 2003. Công ty phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre có trụ sở chính tại Ấp 9 xã Tân Thạch, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Hoạt động chính của Công ty phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre là Sản xuất cá giống, nuôi trồng, chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty nắm 54,6% vốn lưu hành trong công ty con này.

- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang (mã chứng khoán "AGF" tại HSX)

Công ty liên kết này là công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 792/QĐ-TTG ngày 28 tháng 06 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1600583588 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp ngày 27 tháng 05 năm 2009. Công ty phần Xuất nhập khẩu Thủy sản An Giang có trụ sở chính tại 1234 đường Trần Hưng Đạo, Phường Bình Đức, Thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Hoạt động chính của Công ty phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre là Sản xuất cá giống, nuôi trồng, chế biến, xuất nhập khẩu thủy sản.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty nắm 20,2% vốn điều lệ trong công ty con này.

Nhóm các công ty con và công ty liên kết hoạt động trong ngành dịch vụ thương mại:

- Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình

Công ty con này là công ty trách nhiệm hữu hạn có một thành viên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0309493985 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 11 năm 2009. Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình có trụ sở chính tại 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Xuyên Thái Bình là dịch vụ vệ sinh công nghiệp.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty nắm 100% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

- *Công ty TNHH Liên Thái Bình*

Công ty con này là công ty trách nhiệm hữu hạn có một thành viên được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100230134 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 12 năm 2008. Công ty TNHH Liên Thái Bình có trụ sở chính tại Tầng 3 số 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Hoạt động chính của Công ty TNHH Liên Thái Bình là dịch vụ vệ sinh công nghiệp.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty nắm 100% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

- *Công ty Cổ phần Thương mại Pan*

Công ty con này là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103009618 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 03 năm 2008. Công ty Cổ phần Thương mại Pan có trụ sở chính tại 236/43/2 Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Thương mại Pan là thương mại.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty nắm 80% vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

- *Công ty Cổ phần Cơ điện Môi trường Lilama (Lilama EME)*

Công ty liên kết này là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 6503000020 do Ban Quản lý kinh tế Dung Quất lần đầu ngày 25 tháng 07 năm 2007. Công ty Cổ phần Cơ điện Môi trường Lilama có trụ sở chính tại Khu dịch vụ công cộng, Khu Kinh tế Dung Quất, xã Bình Đông, huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Cơ điện Môi trường Lilama là xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại, rác thải độc hại, rác thải y tế.

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2013, Công ty nắm 21,41% vốn điều lệ trong công ty liên kết này.

Tính chất mùa vụ của hoạt động ảnh hưởng đến báo cáo

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi yếu tố mùa vụ.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Đây là báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ. Việc hợp nhất kết quả hoạt động và tình hình tài chính của công ty mẹ và các công ty con được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ của Công ty là VNĐ

Công ty ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các báo cáo tài chính cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013.

3.1.1 Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011.

Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh mới trong các báo cáo tài chính như được trình bày trong Thuyết minh số 33.

Theo Thông tư 210, Công ty phải xem xét các điều khoản trong công cụ tài chính phi phái sinh do Công ty phát hành để xác định liệu công cụ đó có bao gồm cả thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu hay không. Các thành phần này được phân loại riêng biệt là nợ phải trả tài chính, tài sản tài chính hoặc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

3.1.2 Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái

Đối với các nghiệp vụ phát sinh và số dư có gốc bằng ngoại tệ (nếu có), cho giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013, Công ty đã áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái ("CMKTVN số 10"). CMKTVN số 10 khác với Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

năm 2009 (“Thông tư 201”) hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá mà Công ty đã sử dụng trong kỳ trước để hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá như sau:

Nghiệp vụ	Xử lý kế toán theo	
	CMKTVN số 10	Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá” trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được hoàn nhập trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none">- Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.- Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh các năm sau. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong kỳ ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu và hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc ghi nhận và trích khấu hao tài sản cố định hữu hình được thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

3.6 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Khoản đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính được hạch toán như khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận trong kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê theo lãi suất cố định trên giá trị đầu tư thuần hiện có.

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên Bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh/ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn

3.11 Đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết

Trên báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được hạch toán theo giá mua thực tế.

3.12 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của chín tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

3.15 Các khoản dự phòng

Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Trợ cấp mất việc làm phát sinh từ nghĩa vụ liên đới khi Công ty có kế hoạch chi tiết chính thức về việc tái cơ cấu và tạo nên kỳ vọng ở các đối tượng bị ảnh hưởng rằng Công ty sẽ thực hiện việc tái cơ cấu thông qua việc triển khai kế hoạch đó hoặc thông báo các vấn đề chính cho các đối tượng bị ảnh hưởng. Dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích theo mức bằng một phần hai tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty sẽ phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước sau khi chi trợ cấp thôi việc trong năm vẫn còn số dư thì phần chưa chi được ghi nhận vào thu nhập khác trong năm.

3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (“CMKTVN số 10”) liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong (các) kỳ trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ/USD) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh [trừ trường hợp các khoản chênh lệch này được vốn hóa như được trình bày trong đoạn dưới đây]

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng được phản ánh lũy kế ở tài khoản vốn trên bảng cân đối kế toán. Khi kết thúc quá trình đầu tư xây dựng, toàn bộ chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong các năm đầu tư xây dựng và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh được kết chuyển sang tài khoản chi phí trả trước trên bảng cân đối kế toán để phân bổ vào thu nhập hoặc chi phí hoạt động tài chính của các kỳ hoạt động kinh doanh tiếp theo với thời gian là 5 năm

Hướng dẫn về xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ theo CMKTVN số 10 nói trên khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái (“Thông tư 201”) như thuyết minh tại Thuyết minh 3.1.2

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư/cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

► Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

► Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên.

3.19 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỉ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày kết thúc giai đoạn kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Phí bản quyền

Doanh thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích theo các điều khoản của hợp đồng chuyển giao bản quyền.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Xuyên Thái Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ 3/2013 (CHƯA KIỂM TOÁN) (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2013
(từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 09 năm 2013)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải